

Số: /QĐ-UBND Bình Định, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực: Tài nguyên nước, Địa chất và khoáng sản thuộc  
phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày  
07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị  
định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của  
Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát  
thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh  
Bình Định nhiệm kỳ 2021 – 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành  
chính trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính  
trong lĩnh vực Tài nguyên nước, Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức  
năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
695/TTr-STNMT ngày 29 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực: Tài nguyên nước, Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa (rút ngắn thời gian giải quyết) theo Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1953/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực: Tài nguyên nước, Địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- TT TH-CB, P. HCTC;
- Lưu: VT, K4, KSTT<sup>(C)</sup>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG  
LĨNH VỰC: TÀI NGUYÊN NƯỚC, ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN THUỘC  
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| STT  | Tên TTHC  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                  | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý  | TTHC liên thông |
|--|---|--|--|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|---|-----------------|
|  | Mã số TTHC  |  |  |                                   |                           |                           |                      |   |                 |
| <b>Lĩnh vực Tài nguyên nước (01 TTHC)</b>  |   |  |  |                                   |                           |                           |                      |   |                 |
| <b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 706/QĐ-BTNMT ngày 15/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</b> |   |  |  |                                   |                           |                           |                      |   |                 |
| 1  | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (cấp tỉnh)<br>2.001770.000.00.00.H08 | - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 10 ngày làm việc (năm trong thời hạn kiểm tra hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước), kể từ ngày nhận hồ sơ cấp giấy phép về tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, | Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn . | Có                                | Có                        | Thời hạn giải quyết TTHC  | Không                | - Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012<br>- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ<br>- Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ<br>- Nghị định số 41/2021/NĐ-CP ngày 30/03/2021 của Chính phủ | Cấp tỉnh        |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |
|     |            | <p>kiểm tra hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Thời hạn thẩm định, phê duyệt hồ sơ và trả kết quả: trong thời hạn <b>25 ngày</b> làm việc (nằm trong thời hạn thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm</p> |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |
|     |            | <p>định hồ sơ.</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Chậm nhất là 10 ngày làm việc,</p> |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |

| STT  | Tên TTHC            | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                    | TTHC liên thông |
|--|---------------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------|
|  | Mã số TTHC          |   |   |                                   |                           |                           |                      |                                   |                 |
|  |                     | kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt, thông báo tiền cấp quyền, Cục thuế địa phương nơi có công trình khai thác tài nguyên nước ra thông báo nộp tiền (Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 41/2021/NĐ-CP) gửi tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền. |   |                                   |                           |                           |                      |                                   |                 |
| <b>Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản (02 TTHC)</b>   |                     |   |   |                                   |                           |                           |                      |                                   |                 |
| <b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</b> |                     |   |   |                                   |                           |                           |                      |                                   |                 |
| 2  | Phê duyệt trữ lượng | - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05   | Trung   | Có                                | Có                        | Thời                      | Phí : Nộp phí        | - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 | Cấp             |

| STT | Tên TTHC  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                               | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | TTHC liên thông |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|---|-----------------|
|     | Mã số TTHC                                      |  |   |                                   |                           |                           |  |   |                 |
|     | khoáng sản (cấp tỉnh)<br>2.001787.000.00.00.H08 | ngày.<br>- Thời hạn kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:<br>+ Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;<br>+ Trong thời gian không quá 50 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo | tâm<br>Phục vụ hành chính công, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn . |                                   |                           | hạn giải quyết TTHC, phí  | thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản như sau:<br>+ Phí : 10 triệu đồng đối với trường hợp:<br>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) đến 01 tỷ đồng.<br>+ Phí: 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng) đối với trường hợp:<br>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao | ngày 17/11/2010<br>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ<br>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường<br>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | tỉnh            |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung  | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|--|----------------------|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |  |                      |                |                 |
|     |            | <p>cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ;</p> <p>+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình</p> |   |                                   |                           | <p>gồm thuế GTGT) trên 01 đến 10 tỷ đồng).</p> <p>+ Phí : 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) đối với trường hợp:</p> <p>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) trên 10 tỷ đến 20 tỷ đồng.</p> <p>+ Phí : 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng) đối với trường hợp:</p> |                      |                |                 |



| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |                           |  |                |                 |
|     |            | <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản:</p> <p>+ Trong thời gian không quá 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc thẩm định hồ sơ, lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật (nếu thành lập) tổ chức phiên họp Hội đồng.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày kết thúc</p> |   |                                   |                           |                           | <p>Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT) trên 20 tỷ đồng.</p> <p>* Thời điểm thực hiện nghĩa vụ thanh toán: Tại thời điểm nhận kết quả giải quyết.</p> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |
|     |            | phiên họp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hội đồng tư vấn kỹ thuật, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng. Thời gian tổ chức, cá nhân đề |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |
|     |            | <p>nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.</p> <p>+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê</p> |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |
|     |            | <p>duyet trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả giải quyết hồ sơ: Trong thời gian 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện</p> |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |

| STT | Tên TTHC  | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                 | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung        | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý  | TTHC liên thông |
|-----|---|--|---|-----------------------------------|---------------------------|----------------------------------|--|---|-----------------|
|     | Mã số TTHC  |  |   |                                   |                           |                                  |  |   |                 |
|     |   | các nghĩa vụ khác có liên quan.  |   |                                   |                           |                                  |  |   |                 |
| 3   | Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)<br>1.004446.000.00.00.H08 | <p><b>1. Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: Thời hạn kiểm tra hồ sơ: 05 ngày.</b></p> <p><b>Thời hạn thẩm định hồ sơ:</b></p> <p>+ Trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở TN&amp;MT có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;</p> <p>+ Trong thời gian 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện</p> | Trung tâm Phục vụ hành chính công, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn. | Có                                | Có                        | Thời hạn giải quyết TTHC, lệ phí | <p>- Lệ Phí: 1.000.000 đồng/giấy phép Đối với Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối: Có công suất khai thác dưới 5.000 m<sup>3</sup>/năm).</p> <p>- Lệ Phí: 10.000.000 đồng/giấy phép, Đối với Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối có công suất khai thác từ 5.000 m<sup>3</sup> đến 10.000 m<sup>3</sup>/năm).</p> <p>- Lệ Phí:</p> | <p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính</p> | Cấp tỉnh.       |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|---|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |   |                |                 |
|     |            | <p>tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở TN&amp;MT gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định;</p> <p>+ Trong thời gian 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở TN&amp;MT, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý</p> |   |                                   |                           |                           | <p>15.000.000 đồng/giấy phép Đối với Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối có công suất khai thác trên 10.000 m<sup>3</sup>/năm).</p> <p>- Lệ Phí: 15.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây</p> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |  |                |                 |
|     |            | <p>kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.</p> <p>+ Trong thời gian 30 ngày, Sở TN&amp;MT phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p><b>Thời hạn cấp giấy phép:</b></p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp</p> |   |                                   |                           |                           | <p>dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm).</p> <p>- Lệ Phí: 20.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m<sup>3</sup>/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây</p> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |  |                |                 |
|     |            | <p>Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở TN&amp;MT có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho UBND tỉnh.</p> <p>+ Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở TN&amp;MT, UBND tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p><b>Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:</b></p> <p>- Trong thời gian 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ</p> |   |                                   |                           |                           | <p>dụng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC.)</p> <p>- Lệ Phí: 30.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu</p> |                |                 |



| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|---|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |                           |   |                |                 |
|     |            | <p>UBND tỉnh, Trung tâm dịch vụ Hành chính công tỉnh thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.</p> <p><b>2. Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm</li> </ul> |   |                                   |                           |                           | <p>xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m<sup>3</sup>/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ Phí: 40.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai</li> </ul> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|---|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |                           |   |                |                 |
|     |            | <p>định hồ sơ: không quá 45 ngày</p> <p>* Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;</p> <p>* Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng</p> |   |                                   |                           |                           | <p>thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng.</p> <p>- Lệ Phí: 40.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6,</p> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)  | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|---|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |   |                |                 |
|     |            | <p>sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>- Thời hạn cấp giấy phép: không quá 12 ngày</p> <p>* Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.</p> <p>* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết</p> |   |                                   |                           |                           | <p>7 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC).</p> <p>- Lệ Phí: 50.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-</p> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết  | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|--|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |  |   |                                   |                           |                           |  |                |                 |
|     |            | <p>định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.</p> <p><b>3. Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy</b></p> |   |                                   |                           |                           | <p>BTC).</p> <p>-Lệ Phí: 60.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò (trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC).</p> <p>- Lệ Phí: 80.000.000 đồng g, Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản quý</p> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)   | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|--|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |                           |  |                |                 |
|     |            | <p><b>phép khai thác khoáng sản:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.</li> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày. Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.</li> <li>- Thời hạn cấp giấy phép: không quá 12 ngày</li> </ul> |   |                                   |                           |                           | <p>hiếm.</p> <p>-Lệ Phí: 100.000.000 đồng, Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại.</p> <p>(Thu lệ phí tại thời điểm nhận kết quả giải quyết)</p> |                |                 |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến toàn trình | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|-----|------------|---|---|-----------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|
|     | Mã số TTHC |   |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |
|     |            | <p>* Trong thời gian không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh;</p> <p>* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do</p> |   |                                   |                           |                           |                      |                |                 |

